

Số: 35/2020/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: Toà nhà HM Town, đường NT, phường 5, quận b, thành phố H; địa chỉ liên lạc: số 183-185 đường T, phường M, TP.L, tỉnh A

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bình H là đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 05/02/2020).

- *Bị đơn*: 1. Chị Phạm Thị Mộng T1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 800 đường N, khóm B1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của của chị T1: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm: 1997, địa chỉ: 11/KDC ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đ, là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền đề ngày 20/5/2020)

2. Anh Nguyễn Tấn Minh T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 800 đường N, khóm B1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của của anh T: Anh Trần Văn Nh, sinh năm: 1974, địa chỉ: Số 54A, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đ, là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền đề ngày 07/5/2020)

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Anh Nguyễn Tấn Minh T và chị Phạm Thị Mộng T1 đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bt số tiền còn nợ trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung khách hàng cá nhân số 0321800089100 kèm theo hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số: 0321800089200 ngày 19/12/2018 với số tiền nợ gốc là 1.098.658.912đ (Một tỷ không trăm chín mươi tám triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn chín trăm mười hai đồng), lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 78.967.995đ (Bảy mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng), tổng cộng vốn lãi là 1.177.626.907 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm lẻ bảy đồng). Số tiền còn nợ trong hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung khách hàng cá nhân số 0321900006000 kèm theo hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số: 0321900006100 ngày 04/01/2019 với số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 12.224.802đ (Mười hai triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm lẻ hai đồng), tổng cộng vốn lãi là 162.224.802đ (Một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ hai đồng). Tổng cộng số tiền vốn và lãi của hai hợp đồng là 1.339.851.709 (Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi một nghìn bảy trăm lẻ chín đồng)

Đồng ý trả lãi, phí/phạt tiếp tục phát sinh từ ngày 02/6/2020 tính theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung khách hàng cá nhân số 0321800089100 kèm theo hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0321800089200 ngày 19/12/2018, giấy nhận nợ số 0321800089200001 ngày 26/12/2018 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung khách hàng cá nhân số 0321900006000 kèm theo hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số: 0321900006100 ngày 04/01/2019, giấy nhận nợ 0321900006100001 ngày 09/01/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng

**2.2.** Công nhận hợp đồng thế 0321800089300 ngày 25/12/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng số 0321900089301 ngày 09/01/2019 được ký giữa bên thế chấp là chị Phạm Thị Mộng T1 và anh Nguyễn Tấn Minh T với bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh A, tài sản thế chấp thứ nhất là toàn bộ diện tích đất tại thửa 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 86,8m<sup>2</sup> (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), mục đích sử dụng là đất ở đô thị, đất tọa lạc khóm B1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 270479, số vào sổ CH05006 được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/10/2016 cho chị Phạm Thị Mộng T1, có hiệu lực từ ngày đăng ký thế chấp là ngày 25/12/2018. Tài sản thế chấp thứ hai là toàn bộ diện tích đất tại thửa 1112, tờ bản đồ số 04b, diện tích 79,5m<sup>2</sup> (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), mục đích sử dụng là đất ở đô thị, đất tọa lạc khóm B1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 077254, số vào sổ CH00459 được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/6/2011 cho anh Nguyễn Tấn Minh T, có hiệu lực từ ngày đăng ký thế chấp là ngày 25/12/2018.

**2.3.** Trường hợp sau khi Quyết định có hiệu lực, anh Nguyễn Tấn Minh T và chị Phạm Thị Mộng T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp nêu trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà tài sản thế chấp không đủ để trả hết nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Tấn Minh T và chị Phạm Thị Mộng T1 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

**2.4.** Về án phí: Anh Nguyễn Tấn Minh T và chị Phạm Thị Mộng T1 đồng ý nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.097.000 (Hai mươi sáu triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 25.077.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BH/2018/0009262 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

**2.5.** Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Tấn Minh T và chị Phạm Thị Mộng T1 đồng ý nộp số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B vì Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Lấp Vò;
- Chi cục THA DS H.Lấp Vò;
- Lưu: Hồ sơ vụ án + VP.

**THẨM PHÁN**

**Phan Văn Nội**